TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/DS – ST
Ngày: 29/4/2022
V/v Tranh chấp QSD đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Kim Tuấn.

+ Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Bà Dương Thị Hạnh.

2 – Bà Triệu Thị Xuân.

Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đại LQ5ện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2019/TLST - DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST – DS ngày 08/4/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Triệu Thị A1 – Sinh năm 1952.
Địa chỉ: Xóm CD, xã LN, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.
Dân tộc: LC2; Văn hóa: 07/10; Nghề nghiệp: Cán bộ hưu. *(Có mặt).*

*** Bị đơn:** Ông Lê Văn BĐ – Sinh năm 1977.
Địa chỉ: Xóm CD, xã LN, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.
Dân tộc: Kinh; Văn hóa: 08/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. *(Có mặt).*

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Trần Thị LQ1.
Địa chỉ: Xóm CD, xã LN, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.
Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Làm ruộng.
(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người làm chứng:**
1 - Ông Bùi Văn LC1.
Địa chỉ: Xóm CD, xã LN, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.
(Vắng mặt).

2 – Ông Lý Văn LC2.
Địa chỉ: Xóm CD, xã LN, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.
(Vắng mặt).
3 – Bà Nguyễn Thị LC3.
Địa chỉ: Xóm CD, xã LN, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.
(Vắng mặt).
4 – Bà Âu Thị LC4.
Địa chỉ: Xóm CD, xã LN, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.
(Vắng mặt).
5 – Bà Triệu Thị LC5.
Địa chỉ: Xóm CD, xã LN, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2019, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Triệu Thị A1 trình bày: Bà khởi kiện ông Lê Văn BĐ – Địa chỉ: xóm CD, xã LN, huyện V, tỉnh Thái Nguyên lý do Tranh chấp QSD đất.

Bà có một miếng đất đã canh tác từ năm 1990 trên Lân Dao, đến năm 2005 đo bản đồ địa chính là thửa số 107 Tờ bản đồ số 3 Bản đồ địa chính xã LN. Bà đã kê khai nhiều lần nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Năm 1997 bà có mua và vay vốn cây con giống với LQ3 trường Võ Nhai trồng, số lượng 6.000 cây gồm Bạch Đàn, Keo, Mỡ còn Bồ đề bà tự reo. Năm 2015 bà có khai thác số gỗ đã trồng trên cho ông Cường, ông Đẩu. Ông Cường, ông Đẩu bà không biết họ tên và địa chỉ. Chỉ biết ông Cường, ông Đẩu do ông Lê Văn Tâm – cùng xóm giới thiệu.

Năm 2017 ông BĐ cho máy xúc quốc qua đất của bà, cùng năm 2017 bà dọn để trồng vụ mới, nhưng dọn đến đâu ông BĐ lấn chiếm và trồng cây lên phần đất đó. Hiện tại ông BĐ đã trồng cây trên toàn bộ phần đất đang tranh chấp.

Việc sử dụng đất của bà đã được đo đạc và thể hiện qua việc đo đạc và Bản đồ địa chính xã LN.

Ngoài ra còn có bà Trần Thị Thu (Con gái bà Hoàng Thị LQ5 – Đã chết), bà Âu Thị Nàng, ông Lý Văn LC2, bà Nguyễn Thị LC3, bà Triệu Thị LC5 biết rõ quá trình quản lý sử dụng của bà.

Từ năm 2017 xảy ra tranh chấp, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà toàn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 107 Tờ bản đồ số 3 Bản đồ địa chính xã LN, ngoài ra bà không yêu cầu vấn đề gì khác. Bà xác định các yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 10/12/2019 và tại phiên tòa là chính xác, tại đơn khởi kiện ngày 04/7/2019 đã bị

thay thế bởi yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 10/12/2019. Cụ thể bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà toàn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 107 Tờ bản đồ số 3 Bản đồ địa chính xã LN, huyện V, tỉnh Thái Nguyên LQ5ện tích 2578m^2 tại xóm CD, xã LN, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Theo bản tự khai ngày 20/9/2020 bà A1 trình bày: Khu đất đang tranh chấp thuộc xóm CD, xã LN, huyện V hoàn toàn đã có bản đồ địa chính năm 2005. Thực tế bà khai nhiều lần, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Gia đình bà có 02 thửa đất, thửa thứ nhất bên Hang bà trồng ngô do vợ chồng anh chị Phương + Huệ cho bà từ năm 1990 bà sử dụng; Thửa thứ hai bà trồng sắn do bà La Thị LQ4 và bà Hoàng Thị LQ5 cho bà từ năm 1990.

Năm 1997 bà chuyển sang trồng rừng theo nghị định của thủ tướng chính phủ, phủ đất trống đồi trọc do LQ3 trường huyện Võ Nhai phát động. Bà LQ1 LQ3 nghiệp phụ trách kỹ thuật, bà đã đăng ký cây con với LQ3 nghiệp xã LN ai có tiền thì mua, ai không có tiền thì LQ3 trường huyện Võ Nhai cho vay vốn.

Gia đình bà đăng ký hai thửa đất nói trên, vào khoảng 2 ha mua 6000 cây gồm Bạch đàn, Keo, Mỡ và Bồ đề do bà tự gieo để trồng. Gia đình bà bỏ tiền ra mua một số cây còn một số cây bà vay LQ3 trường Võ Nhai.

Theo thiết kế trồng rừng năm 1997 vốn thửa đất trồng ngô LQ5ện tích 0,46 ha tại Tiểu khu 345a lô 8 khoảnh 9 thuộc Bản đồ thiết kế trồng rừng vốn 264 năm 1997 (không tranh chấp).

Thửa trồng sắn (đang tranh chấp) LQ5ện tích 0,68 ha tại Tiểu khu 345a lô 2 khoảnh 9 thuộc bản đồ thiết kế trồng rừng vốn 264 năm 1997.

Đến năm 2005 theo bản đồ địa chính, thửa 107 tờ bản đồ số 03 bà được trực tiếp đi đo, đại LQ5ện của xóm là ông Trần Văn Công phó xóm. Trước khi đo thửa đất của ai ông ghi rõ họ tên chủ hộ đang sử dụng thửa đất đó.

Thửa 107 chủ hộ sử dujngg là bà Triệu thị A1 (không tẩy xóa), đo xong thì về nhà bà LQ5 ký nhận, trước khi ký nhận thì theo thứ tự người ngồi chứ không phải theo thứ tự danh sách người đo đạc. Khi đến ký nhận bà có hỏi ai ký vào thửa đất của bà ông đo đạc chỉ vào ông Lê Văn Tam, bà nói với bà Trần Thị Thu bảo anh Tam không biết chữ ý nên không biết dòng nào là dòng của mình, chỉ xem tay của anh đo đạc chỉ áng chừng nào thì ký, nên ông Tam ký vào dòng của bà, anh đo đạc bảo bà ký lên trên, gạch chữ Tam, bà ký lên trên chữ Tam vẫn còn nguyên.

Đến năm 2015 bà đề nghị xã LN cho khai thác, bán cho anh Cường và anh Đầu.

Đến năm 2017 bà và bà LC5 phát để trồng, ông Lê Văn BĐ đến tranh chấp chiếm thửa đất của bà.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2022 bà A1 khai bà khởi kiện ông Lê Văn BĐ đối với thửa đất số 107 tờ bản đồ số 03 thuộc xã LN, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên (đất rừng chuyên sản xuất). Theo bản đồ thiết kế này rừng vay vốn 264 năm 1997 xã LN, huyện V, tỉnh thái Nguyên thuộc lô 2 khoảnh 9 tiểu khu 345a, hiện nay bà yêu cầu ông BĐ trả toàn bộ LQ5ện tích đất là 6800 m^2 cho bà. Theo kết quả xem xét thẩm định ngày 09 tháng 7 năm 2020 xác định vị trí tranh chấp là toàn bộ thửa 107 tờ bản đồ địa chính số 03, xã LN có LQ5ện tích 2578m^2, bà có ý kiến phần LQ5ện tích mà bà yêu cầu phải là 6800m^2 là Lô 2, khoảnh 9, Tiểu khu 345a, bản đồ trồng rừng vốn 264. Bà không nắm rõ vị trí đất trồng rừng vốn LQ3 trường huyện Võ Nhai ở đâu chỉ biết là Hợp đồng với LQ3 trường rồi nhận cây về trồng khai thác và trả gốc cho LQ3 trường, sau đó đo đạc bản đồ địa chính toàn bộ là thửa 107, LQ5ện tích 2578m^2 trên, ranh giới vẫn rõ ràng như bà trồng cây của LQ3 trường.

- Bị đơn ông Lê Văn BĐ trình bày:

Theo bản tự khai ngày 09 tháng 7 năm 2020: Ông đang sử dụng hợp pháp LQ5ện tích đất gần 2 ha tại địa chỉ Rừng Lân Dao thuộc xóm CD, xã LN, huyện V, tỉnh Thái Nguyên hiện nay đang trồng keo.

LQ5ện tích đất này ông được bố mẹ cho từ năm 2011 trước đó bố mẹ ông đã trồng lúa nương từ năm 1987 đến năm 1990 và sau đó trồng sắn đến năm 1995 bố mẹ ông đã trồng tre để làm mốc giới sau đó trồng ngô và gieo cây bồ đề kết hợp chăn thả gia súc

Đến năm 2011 ông lập gia đình bố mẹ ông cho ông sử dụng mảnh đất đấy, ông giữ lại cây bồ đề và tiếp tục dưỡng rừng kết hợp chăn thả gia súc. Đến năm 2017 do chăn thả gia súc không có hiệu quả cao nên ông chuyển đổi sang trồng keo để tăng thu nhập. Việc ông trồng keo là hoàn toàn trên đất của ông.

Bố mẹ ông cho riêng ông mảnh đất thuộc xóm CD, xã LN, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, không có tranh chấp với ai. Đến ngày 10 tháng 4 năm 2017 bà A1 làm đơn gửi UBND xã LN về việc cho rằng ông đã lấn chiếm dang phần đất của bà A1. Tuy nhiên việc bà A1 cho rằng ông lấn chiếm sang đất của bà là không có căn cứ. Phần đất trên là do ông sử dụng riêng không liên quan đến ai.

Tại phiên tòa ông BĐ trình bày bổ sung đất này ông cùng bố mẹ khai phá, sau đó ra ở riêng được chia cho riêng, không liên quan đến vợ con, bố mẹ. Tài sản trên đất cũng là của riêng ông, hiện nay ông chỉ còn một mình mẹ ông là bà Trần Thị LQ1 còn sống, bố ông là ông Lê Trọng Ngân đã chết, bố mẹ ông khai phá và đến ông chưa ai kê khai và không có bất kỳ giấy tờ gì về quyền sử dụng đất. Nay bà A1 yêu cầu ông trả lại phần đất đang tranh chấp ông không đồng ý.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị LQ1 trình bày:** Bà là mẹ đẻ của ông Lê Văn BĐ, mảnh đất đang tranh chấp giữa ông BĐ và bà A1 do vợ chồng ông bà và anh BĐ cùng khai phá, sau khi ông BĐ kết hôn thì vợ chồng bà là

ông Lê Trọng Ngân (đã chết) và bà có cho riêng con trai bà là ông Lê Văn BĐ để canh tác sử dụng, trước khi cho ông BĐ đất, bà và ông Lê Trọng Ngân không có giấy tờ gì về quyền sử dụng đất. Nay bà Triệu Thị A1 tranh chấp với ông Lê Văn BĐ con trai bà, bà có ý kiến đất này bà và chồng bà ông Lê Trọng Ngân đã cho riêng ông BĐ, ông BĐ có toàn quyền quyết định, bà đã cho ông BĐ bà không còn liên quan gì nữa.

*** Tại phiên tòa vị đại LQ5ện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án cụ thể:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị A1 yêu cầu ông Lê Văn BĐ trả lại phần đất đang tranh chấp là Thửa số 107 tờ bản đồ địa chính số 03, xã LN, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên có LQ5ện tích 2578m^2.

- Về án phí và chi phí tố tụng: Xử lý án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà Triệu Thị A1 khởi kiện ông Lê Văn BĐ vì cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp mình bị xâm phạm, yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Lê Văn BĐ. Căn cứ yêu cầu khởi kiện Tòa án thụ lý giải quyết vụ án với quan hệ giải quyết là tranh chấp quyền sử dụng đất.

Về tư cách tố tụng: Bà Triệu Thị A1 là nguyên đơn, ông Lê Văn BĐ là bị đơn. Theo ông BĐ phần đất này do bố mẹ ông là ông Lê Trọng Ngân (nay đã chết) và bà Trần Thị LQ1 cho riêng ông từ năm 2011, ông Ngân và bà LQ1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó đưa bà Trần Thị LQ1 vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Theo bà A1 quá trình quản lý sử dụng đất của bà có ông Lý Văn LC2, bà Nguyễn Thị LC3, bà Âu Thị LC4, bà Triệu Thị LC5 biết, theo ông BĐ quá trình quản lý sử dụng đất của bà có ông Bùi Văn LC1 biết. Do đó Tòa án đưa những ông bà này vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng trong vụ án. Quá trình lấy lời khai những người làm chứng đề nghị Tòa án không triệu tập các ông bà tham gia tố tụng nữa.

[2] Xét yêu cầu của người khởi kiện bà Triệu Thị A1, yêu cầu ông Lê Văn BĐ phải trả lại bà phần đất đang tranh chấp để bà quản lý sử dụng.

Về giấy tờ pháp lý đối với quyền sử dụng đất: Cả hai bên bà A1 và ông BĐ đều không có bất kỳ giấy tờ gì về quyền sử dụng đất. Phần đất này cũng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bất kỳ ai.

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định ngày 09/7/2020 xác định phần đất đang tranh chấp là toàn bộ Thửa số 107 tờ bản đồ địa chính số 03, xã LN có LQ5ện tích 2578 m^2, trên đất ông Lê Văn BĐ trồng Keo từ năm 2015.

Cùng ngày 09/7/2020 đã tiến hành định giá đất và tài sản trên đất đang tranh chấp. Kết quả cụ thể:

- Giá trị đất đang tranh chấp: 36.092.000 đồng.

- Giá trị tài sản trên đất: 14.700.000 đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 50.790.000 đồng.

Ngày 24/02/2022 Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã LN xác định năm 1997 bà Triệu Thị A1 có vay vốn trồng rừng LQ5ện tích 0,46ha tại Tiểu khu 345a, lô 8, khoảnh 9 thuộc Bản đồ thiết kế trồng rừng vốn 264 không phải LQ5ện tích hiện nay đang tranh chấp giữa bà A1 với ông BĐ. LQ5ện tích hiện nay đang tranh chấp thuộc lô 2, khoảnh 9, tiểu khu 345a LQ5ện tích 0,68ha, tuy nhiên theo Bản đồ thiết kế trồng rừng vốn 264 năm 1997 xã LN không thiết kế trồng rừng cho hộ gia đình nào. Đến năm 2005 theo bản đồ địa chính tờ số 3 xã LN vị trí đất đang tranh chấp là thửa 107, theo sổ thống kê LQ5ện tích, loại đất, chủ sử dụng, hiện trạng thửa số 107 có tên chủ sử dụng đất là bà Triệu Thị A1 tuy nhiên đã bị tẩy xóa, chữ ký nhận chưa rõ ràng, cụ thể.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2022 bà A1 cũng không xác định được vị trí đất hợp đồng với LQ3 trường để trồng rừng là ở đâu, bà xác định chính là thửa 107 tờ bản đồ số 3 Bản đồ địa chính xã LN LQ5ện tích 2.578m^2, có danh giới rõ ràng.

Ngày 15/3/2022 Tòa án tiến hành xác minh tại xóm CD, được địa phương cung cấp từ năm 1981 khu đất gồm cả phần đang tranh chấp do bố mẹ ông BĐ quản lý, sử dụng, sau đó chia cho những người cùng xóm CD sử dụng. Với phần đất đang tranh chấp ông BĐ đang quản lý, sử dụng trồng cây. Cùng ngày Tòa án tiến hành xác minh với UBND xã LN xác định bố mẹ ông BĐ là ông Lê Trọng Ngân hiện nay đã chết và bà Trần Thị LQ1 hiện tại đang cư trú tại xóm CD, xã LN, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; Đối với phần đất đang tranh chấp từ trước tới nay không ai kê khai, đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

Như vậy bà A1 không xác định được cụ thể phần đất đang trang chấp nằm ở đâu, ô lô thửa nào, lúc thì xác định tại thửa 107 tờ số 3 Bản đồ địa chính xã LN, lúc xác định nằm ở lô 8, khoảnh 9 Tiểu khu 345a Bản đồ thiết kế trồng rừng 264, lúc thì xác định ở lô 2, khoảnh 9 Tiểu khu 345a Bản đồ thiết kế trồng rừng 264. Đồng thời bà cho rằng đã nhiều lần kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với phần đất đang tranh chấp là không có căn cứ.

Ngày 06/4/2022 Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã LN, địa phương xác định từ năm 2015 ông Lê Văn BĐ quản lý sử dụng đối với phần đất đang tranh chấp với bà A1.

Đối với lời khai của những người làm chứng do bà A1 cung cấp là ông Lý Văn LC2, bà Nguyễn Thị LC3, bà Âu Thị LC4, bà Triệu Thị LC5 xác định phần đất đang tranh chấp là của bà A1, tuy nhiên lời khai này không phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Đối với lời khai của ông Bùi Văn LC1 xác định ông BĐ đang quản lý, sử dụng phần đất đang tranh chấp, bà A1 không trồng cây và không khai thác sử dụng là phù hợp.

Từ những căn cứ nhận định này, xác định phần đất đang tranh chấp là toàn bộ thửa 107 tờ bản đồ số 3 Bản đồ địa chính xã LN LQ5ện tích 2.578m^2, nguồn gốc do bố mẹ ông BĐ và ông BĐ khai phá, ông BĐ được bố mẹ cho riêng khi lập gia đình, sau khi được cho ông BĐ quản lý sử dụng ổn định, liên tục và được cơ quan quản lý đất đai ở địa phương xác nhận sử dụng từ năm 2015. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A1, yêu cầu ông BĐ phải trả lại phần đất đang tranh chấp.

[3] Đối với yêu cầu của bà A1 tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2022 yêu cầu giải quyết LQ5ện tích 6.800m^2 và yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần đất này, tuy nhiên sau đó Tòa án có Thông báo nộp tạm ứng chi phí tố tụng nhưng bà A1 không nộp chi phí tố tụng theo quy định. Đồng thời phần LQ5ện tích này chưa được tiến hành hòa giải tại UBND xã LN theo quy định. Do vậy đối với yêu cầu này Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Đối với những người làm chứng theo yêu cầu của bà A1, tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bà A1 không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác. Do vậy Tòa án đưa những người làm chứng đã được lấy lời khai vào tham gia tố tụng là đảm bảo.

Đối với ý kiến bà A1 cho rằng bà Đỗ Thị LQ1, ông Dương Văn LQ2 nguyên là cán bộ LQ3 trường Võ Nhai và đơn ngày 08/5/2017 có xác nhận của LQ3 trường Võ Nhai về phần đất bà đã ký hợp đồng trồng rừng 264 với LQ3 trường, tuy nhiên Tòa

án tiến hành làm việc với ông LQ2, bà LQ1 và ông Phan Văn LQ3 (ông LQ3 là người đã ký đóng dấu vào đơn xác nhận của bà A1) – nguyên Giám đốc Công ty TNHH nhà nước một thành viên LQ3 nghiệp Võ Nhai (trước đây là LQ3 trường Võ Nhai) nay đã giải thể, các ông bà này đều xác định bà A1 có ký hợp đồng trồng rừng 264 với LQ3 trường, cụ thể vị trí nào, có nằm trong phần đất đang tranh chấp giữa bà A1 và ông BĐ hay không các ông bà không nắm rõ và nằm trên đất của ai các ông bà đều không biết. Ông LQ3, ông LQ2 và bà LQ1 đều yêu cầu Tòa án không đưa các ông bà vào tham gia tố tụng và xét nội dung cung cấp của các ông bà không liên quan, ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không đưa ông LQ3, ông LQ2, bà LQ1 vào tham gia tố tụng là phù hợp.

Đối với bà La Thị LQ4 và bà Hoàng Thị LQ5, theo bà A1 là người cho bà đất từ năm 1990, nhưng bà La Thị LQ4, Hoàng Thị LQ5 đã chết nên không lấy ý kiến của các bà được. Đối với bà Lý Thị Lành là vợ ông BĐ, bà Lành xác định đất là của bố mẹ ông BĐ cho riêng ông BĐ, tài sản trên đất cũng của riêng ông BĐ bà không có liên quan gì, bà cũng đề nghị Tòa án không đưa bà tham gia tố tụng, nên Tòa án không đưa bà Lành tham gia tố tụng.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng.

Bà Triệu Thị A1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định.

[6] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại LQ5ện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; 35; 39; 147; 157; 158; 165; 166; 244; 266 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26, Điều 166 và Điều 203 Luật Đất đai;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị A1, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn BĐ trả lại toàn bộ Thửa đất số 107 Tờ bản đồ số 3 Bản đồ địa chính xã LN, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên LQ5ện tích 2.578m^2 đang tranh chấp.

(Có trích lục bản đồ thửa đất kèm theo)

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

2.1. Về án phí: Buộc bà Triệu Thị A1 chịu 1.804.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà A1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo Biên lai số 0007558 ngày 17/12/2019. Số tiền án phí bà A1 còn phải nộp là 1.504.600 đồng.

2.2. Về chi phí tố tụng: Bà Triệu Thị A1 phải chịu 4.900.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 2.100.000 đồng chi phí định giá tài sản *(Tòa án đã thu và chi phí hết*).

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa LC1 thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.)

*** Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai có mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Võ Nhai;
- Đương sự;
- UBND xã LN;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Kim Tuấn